TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊNHÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 155/2024/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 184/2024/TLST – VHNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp Tân Bình 1, xã M, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị Tú Tr, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 77/3, khu phố 2, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Tr đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 429/2016, cấp ngày 18/11/2016), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, không hòa hợp, không thể hòa giải được. Đến nay cả hai vợ chồng nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên cả hai cùng có nguyện vọng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 18/4/2017. Ly hôn, ông C và bà Tr thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Phương L cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) kể từ ngày Quyết định công

nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tú Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tú Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 18/4/2017. Ly hôn, ông C và bà Tr thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Phương L cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông C không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Tú Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002165 ngày 11/01/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP. Biên Hoà (1);
- Chi cục THADS TP.Biên Hoà (1);
- Đương sự (2);
- UBND phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3)

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Hùng